

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 3 – 2021

“V/v Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm.
2. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Ông Đỗ C, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TH A, xã HTh, Tp. CM, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Huỳnh H, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BB 2, xã HT, Tp. CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa ông Đỗ C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến giữa tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do bà H tự bỏ

nhà đi nhiều lần, ông có khuyên và kêu bà H về nhưng bà H không đồng ý. Ông bà đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông C xác định tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn bà H.

Về con chung: Ông bà có hai người con chung tên Đỗ Thị H, sinh năm 1998, Đỗ Trọng P, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà nên không đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bà Huỳnh H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn đúng như ông C trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do ông C đánh đập bà nhiều lần nên bà bỏ đi làm ăn xa. Ông bà đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Ông C yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý.

Về con chung: Ông bà có hai người con chung tên Đỗ Thị H, sinh năm 1998, Đỗ Trọng P, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà nên không đề cập giải quyết.

Do bận công việc, không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng được nên bà H yêu cầu được vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông C và bà H sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh H có đơn yêu cầu vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về hôn nhân: Ông Đỗ C và bà Huỳnh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Từ năm 1997 đến năm 2019, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông, bà đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa ông, bà không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay ông, bà yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, gây bất hòa và đánh

nhau, không tin tưởng lẫn nhau, mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, ông C và bà H đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn, theo ông C ông, bà đã tự ly thân từ năm 2018, theo bà H ông, bà đã tự ly thân từ năm từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Xét mâu thuẫn thực tế của ông C và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà đã tự ly thân thời gian dài mà không ai có biện pháp hàn gắn. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Ông C và bà H xác định ông bà có hai người con chung tên Đỗ Thị H, sinh năm 1998, Đỗ Trọng P, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông C và bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông C và bà H khai rằng giữa ông, bà không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông C là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Đỗ C và bà Huỳnh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông C và bà H xác định ông bà có hai người con chung tên Đỗ Thị H, sinh năm 1998, Đỗ Trọng P, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông C và bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông C và bà H khai rằng giữa ông, bà không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông C phải chịu 300.000đồng. Ngày 26 tháng 02 năm 2021, ông C đã dự nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CM theo biên lai số: 0000678 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Ông C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thúy Dung